TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11/01/2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Hoàng Thị Bình;
2. Bà Hoàng Thị Hải.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Mỹ Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đàm Thị T, sinh năm 1964;
Địa chỉ: thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. (có mặt)
2. Bị đơn: ông Trần Văn H, sinh năm 1962;
Địa chỉ: thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017 cùng các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đàm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông H tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền của dân tộc và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1980. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại tỉnh H được 5 năm, đến năm 1986 thì chuyển vào sinh sống tại nông trường xã I (nay là thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai). Trong thời gian chung sống thì ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H là người chồng vũ phu, thường xuyên đánh đập bà. Ngoài ra,ông H còn uống rượu và chơi bài bạc, không chăm lo cho gia đình, bà T đã nhẫn nhịn để níu kéo hạnh phúc gia

đình và nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng ông H vẫn chứng nào tật đó không chịu sửa đổi. Từ tháng 6/2017 đến nay bà đã sống ly thân với ông H. Nay bà T không còn tình cảm với ông H nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà T và ông H có 03 con chung là: Trần Thị H, sinh năm 1985; Trần Văn T, sinh năm 1989; Trần Thị L, sinh năm 1990. Nay các con chung của đều đã thành niên, có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Tại các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền vào năm 1980, sau đó ông bà đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An để đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1980, lúc đó chỉ có bà T vào làm thủ tục còn ông đứng ngoài, nhưng vì thời gian đã lâu nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Sau khi kết hôn ông bà chung sống rất hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau, mâu thuẫn với nhau, trước đây khoảng năm 2010 ông phát hiện bà T có quan hệ bất chính với người khác, nhưng ông đã tha thứ cho bà T để vợ chồng chung sống bình thường với nhau. Đến tháng 6/2017 giữa ông bà có xảy ra cãi nhau nên ông có tát tai bà mấy cái, bà T tức giận nên bỏ nhà đi cho đến nay. Ông H đã gọi điện nói bà quay về để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng bà không chịu quay về, nay bà T làm đơn ly hôn ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Giữa ông bà có 03 con chung là: Trần Thị H, sinh năm 1985; Trần Văn T, sinh năm 1989; Trần Thị L, sinh năm 1990. Nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đàm Thị T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và ông H đều thừa nhận ông bà được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền của dân tộc, tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1980, bà T cho rằng không có đăng ký kết hôn, còn ông H cho rằng có đăng ký kết hôn, khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, chỉ có bà T vào làm còn ông chỉ đứng ngoài, nhưng vì thời gian lâu giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Căn cứ theo Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là hôn nhân thực tế và hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa nên đến tháng 6/2017 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải và tại phiên tòa ông H đều mong muốn đoàn tụ với bà T và không muốn ly hôn nhưng ông H cũng thừa nhận giữa ông bà có xẩy ra mâu thuẫn, bà T thường xuyên bỏ nhà đi. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T luôn thể hiện tâm lý sợ hãi ông H và nhất quyết không muốn trở về đoàn tụ với ông H. Do đó, xét mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Thị T xin ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Giữa bà T và ông H có ba con chung là: Trần Thị H, sinh năm 1985; Trần Văn T, sinh năm 1989; Trần Thị L, sinh năm 1990. Nay các con chung của bà T và ông H đều đã thành niên, có khả năng lao động nên bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nghĩa vụ nuôi con. Do vậy HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Đàm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định cuả pháp luật.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11; Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56; 57; 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Bà Đàm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về án phí: Buộc bà Đàm Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002578 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Bà Đàm Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận **:**
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND xã I;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bình Hoàng Thị Hải Lê Thị Hòa